

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2019/HS-ST
Ngày 24-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Bích Vân

Ông Nguyễn Cao Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Huyền - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lê Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Tô Đức T, sinh ngày 10/01/1997 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Tô Đức T1 và bà Tô Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2019 đến nay, có mặt.

2. Hoàng Văn T, sinh ngày 13/10/1994, tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị Q; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam

từ ngày 03/7/2019 đến ngày 14/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho Bảo lãnh, có mặt

3. Bế Văn H, sinh ngày 29/4/1990 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Bế Văn N (đã chết) và bà Lộc Thị Q; vợ: Lý Thị H; con có 02 con; con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2019 đến ngày 14/8/2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho Bảo lãnh, có m

4. Lương Sơn H, sinh ngày 20/10/1998 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Lương Văn T và bà Phạm Thị Y; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/8/2019 đến ngày 09/9/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho Bảo lãnh, có mặt

5. Chu Văn H, sinh ngày 18/4/1996, tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Chu Văn B và bà Tô Thị S; vợ: Hoàng Thị T; con có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/8/2019 đến ngày 09/9/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho Bảo lãnh, có mặt.

6. Trần Văn P; sinh ngày 07/8/1999, tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Trần Văn K và bà Nông Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/8/2019 đến ngày 09/9/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho Bảo lãnh, có mặt.

Bị hại:

1. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1996. Trú tại: Thôn V, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

2. Anh Đặng Hoàng B, sinh năm 1980. Trú tại: Phòng 207-A2, ngõ 120, đường T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Mậu S, sinh năm 1976. Trú tại: Xóm B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tháng 5/2019, Tô Đức T sử dụng mạng xã hội Wechat (ứng dụng in tơ net của Trung Quốc dùng để liên lạc như điện thoại) làm quen với một người có tên là “B” (không rõ lai lịch và địa chỉ), sau khi quen thì “B” nói chuyện có xe mô tô trộm cắp để bán, hỏi Tô Văn T có mua giá rẻ về bán, Tô Văn T đồng ý. Đến tháng 6/2019, “B” thông qua mạng xã hội Wechat báo cho Tô Văn T có xe trộm cắp được, Tô Văn T đồng ý mua và trao đổi với “B” sẽ mang xe đến xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để giao. Sau đó Tô Đức T gặp Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P để đặt vấn đề thuê đến xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để nhận và điều khiển xe mang về nhà cất giấu, chờ thuận lợi thì mang bán sang Trung Quốc, Tô Đức T thỏa thuận sẽ trả tiền mỗi chuyến đi thành công là 2.500.000 đồng. Tô Đức T mua bảy xe mô tô (04 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD và 03 xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH mode) với “B” với tổng số tiền là 116.000.000 đồng. Tô Đức T liên lạc với “B” qua Wechat hẹn “B” cho người mang xe đến đúng địa điểm. Tô Đức T đi cùng Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P đến nhận xe và điều khiển xe mang về nhà kho bỏ hoang của Lương Sơn H cất giấu, để tìm người bên Trung Quốc mua thì sẽ gọi Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P điều khiển đến gần biên giới giao xe mô tô cho người Trung Quốc. Cuối tháng 6/2019, Tô Đức T liên hệ với người mua xe bên phía Trung Quốc (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) và bán được tất cả bốn xe (gồm 02 xe HONDA SH mode và 02 xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD) cho người Trung Quốc không rõ họ tên lai lịch, còn lại 02 xe mô tô HONDA LEAD và 01 xe mô tô HONDA SH mode vẫn để ở nhà kho của Lương Sơn H.

Ngày 25/6/2019, Tô Đức T gặp Hoàng Văn T, Bé Văn H tại quán nước ở xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn Tô Đức T đặt vấn đề rủ Hoàng Văn T và Bé Văn H góp tiền để mua xe không giấy tờ mang đi bán lấy tiền, Hoàng Văn T và Bé Văn H đồng ý. Tô Đức T giao cho Bé Văn H tìm mối tiêu thụ bên Trung Quốc, Bé Văn H nhận lời. Còn Hoàng Văn T là người tham gia góp tiền cùng với Bé Văn H để cùng ăn chia khi bán có lãi. Đến ngày 01/7/2019, Hoàng Văn T và Bé Văn H cùng góp được 32.000.000 đồng và đưa cho Tô Đức T, ngày 02/7/2019, Tô Đức T hẹn “B” trả nốt tiền còn thiếu lần trước, “B” cho người đến địa phận đường tránh thuộc thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn lấy tiền. Sau đó Tô Đức T

quay về gặp Bé Văn H, Hoàng Văn T để bàn về việc bán 03 xe mô tô còn lại cho người Trung Quốc.

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 02/7/2019, Tô Đức T liên lạc với Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P yêu cầu điều khiển 03 xe mô tô trước đó để ở kho nhà Lương Sơn H đi đến cầu Thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn gặp Bé Văn H dẫn đường mang xe bán cho người Trung Quốc. Sau đó Tô Đức T đi xe mô tô biển kiểm soát 12Z1-050.09 đến nhà Bé Văn H, gặp Lương Sơn H và Bé Văn T thì Tô Đức T bảo Bé Văn H dẫn đến cầu Thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn nhận 03 xe trộm cắp từ Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P, khi nhận được thì Bé Văn H dẫn đường 03 người trên điều khiển xe mang đến điểm tập kết tại mốc 1265 - thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, sau đó Bé Văn H đi xe mô tô biển kiểm soát 12F4- 4292 của Bé Văn H đến cầu Thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn ngồi chờ. Lúc này Tô Đức T để xe mô tô biển kiểm soát 12Z1-050.09 tại bãi đất gần nhà Bé Văn H rồi cùng Hoàng Văn T đi xe mô tô của Bé Văn H biển kiểm soát 12Z1-037.39 đến mốc biên giới 1265 thuộc thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đến nơi Tô Đức T xuống xe chờ ở mốc đón xe do nhóm Lương Sơn H mang đến để đưa sang Trung Quốc, còn Hoàng Văn T đi xe lòng vòng, mục đích là canh chừng cơ quan chức năng, nếu phát hiện lực lượng chức năng đi làm nhiệm vụ sẽ báo cho Tô Đức T và Bé Văn H. Sau khi Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P điều khiển mỗi người một xe đến gặp Bé Văn H thì Bé Văn H dẫn đường đến địa điểm đã hẹn trước. Đến mốc biên giới số 1265 tất cả gặp nhau, lúc này Bé Văn H có gọi điện cho bạn bên Trung Quốc có tên S đến mua 03 xe mô tô nhóm Lương Sơn H vừa mang đến. Khi đó Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bé Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P đang ngồi chờ S đến mua xe thì bị phát hiện, cả 06 người bỏ chạy. Hoàng Văn T và Bé Văn H bị bắt cùng vật chứng, Tô Đức T, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P chạy thoát qua mốc 1265 sang Trung Quốc.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 10/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Xe mô tô HONDA LEAD màu vàng. Số khung RLHJF 4517FJ783596, số máy JF45E0816757 có trị giá 28.407.000 đồng. (Hai mươi tám triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng).

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 15/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Xe mô tô HONDA LEAD màu đen. Số khung RLHJF 4505DY136022, số máy JF45E0262010 có trị giá 17.165.000 đồng. (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 21/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Xe mô tô HONDASH mode màu trắng nâu. Số khung RLHJF

5109DY004795, số máy JF51F0004584 có trị giá 21.800.000 đồng. (Hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Về bồi thường dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 01/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bé Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bé Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, 17, 58 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Tô Đức T từ 12 đến 18 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, 17, 58, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử bị cáo Hoàng Văn T, Bé Văn H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Chu Văn H, Lương Sơn H, Trần Văn P từ 06 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12Z1-050.09 mang tên Tô Đức T và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Tô Đức T, xác định đây là tài sản của gia đình bà Tô Thị S mua; tịch thu, hóa giá 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE của Tô Đức T dùng vào việc liên lạc để mua xe mô tô.

Tại phiên tòa các bị cáo Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bé Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung như bản Cáo trạng đã truy tố. Cụ thể ngày 02/7/2019 Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bé Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P đã có hành vi vận chuyển 03 xe mô tô không có giấy tờ sang mốc biên giới 1265 thuộc thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để đưa sang Trung Quốc bán, nhưng đã bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt quả tang người cùng vật chứng. Bị cáo Tô Đức T thừa nhận chiếc điện thoại di động IPHONE dùng vào việc liên lạc để mua xe máy, còn chiếc xe máy hiện đang bị tạm giữ tại cơ quan điều tra mang tên Tô Đức T là tiền của bố mẹ mua nhưng mang tên của bị cáo, không phải là tài sản riêng của bị cáo.

Bị hại anh Hoàng Văn Q, Đặng Hoàng B, Nguyễn Mậu S tại cơ quan điều tra trình bày: Các bị hại bị mất xe mô tô, nay đã được Công an huyện Lộc

Bình, tỉnh Lạng Sơn thu giữ và trả lại tài sản cho các bị hại, tài sản các bị hại bị mất không bị hư hỏng, nên các bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì.

Trong phần tranh luận và nói lời sau cùng các bị cáo nhận thấy hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị hại anh Hoàng Văn Q, Đặng Hoàng B, Nguyễn Mậu S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, không có yêu cầu gì. Xét thấy, việc vắng mặt của Hoàng Văn Q, Đặng Hoàng B, Nguyễn Mậu S không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có căn cứ xác định: Tháng 5/2019 Tô Đức T sử dụng mạng xã hội để Wechat (ứng dụng internet của Trung Quốc dùng để liên lạc như điện thoại) làm quen với một người có tên là “B” (không rõ lai lịch và địa chỉ), sau khi quen “B” hỏi Tô Đức T có mua xe giá rẻ về bán không, Tô Đức T đồng ý. Đến tháng 6/2019 “B” thông báo cho Tô Đức T có xe bán, Tô Đức T gặp Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P để đặt vấn đề thuê đến điểm nhận và điều khiển xe về nhà cất giấu và trả tiền công là 2.500.000 đồng, Tô Đức T mua bảy xe mô tô số tiền là 116.000.000 đồng. Cuối tháng 6/2019 Tô Đức T bán 04 xe sang Trung Quốc. Còn 03 xe, ngày 25/6/2019 Tô Đức T gặp Hoàng Văn T, Bé Văn H rủ góp tiền để mua xe trộm cắp mang đi bán lấy tiền, Hoàng Văn T và Bé Văn H đồng ý góp 32.000.000 đồng và đưa cho Tô Đức T. Tô Đức T giao cho Bé Văn H tìm mối tiêu thụ bên Trung Quốc. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 02/7/2019 Tô Đức T liên lạc với Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P điều khiển 03 xe mô tô đến gặp Bé Văn H dẫn đường đến điểm tập kết tại mốc 1265 - thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bé Văn H gọi điện cho bạn bên Trung Quốc có tên Say đến mua 03 xe mô tô, Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bé Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P đang ngồi chờ Say đến mua xe thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang Hoàng Văn T,

Bế Văn H cùng vật chứng, còn Tô Đức T, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P bỏ chạy. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định các bị cáo Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bế Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật Nhà nước bảo vệ, đã gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với mục đích thu lợi bất chính, điều đó thể hiện các bị cáo coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm nhằm giáo dục, răn đe những trường hợp khác có ý định phạm tội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh như sau.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, do các bị cáo cùng cố ý thực hiện. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra và cùng phải chịu chế tài do điều luật quy định nhưng về nguyên tắc mỗi đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập do hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với mình.

[6] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong vụ án này Tô Văn T là vai trò chính đã trực tiếp liên hệ mua 07 xe mô tô và thuê Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P đến điểm giao nhận điều khiển xe về cất giấu và tự liên hệ với người Trung Quốc bán được 4 xe mô tô cho, còn 3 xe mô tô. Tô Văn T đã rủ Hoàng Văn T và Bế Văn H góp tiền mua chung 03 xe mô tô đem bán được lãi chia đều. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, đây là 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, các bị cáo Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bế Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P phạm tội lần đầu nên cả 06 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; tình tiết tăng nặng: Cả 06 bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Đối với bị cáo Tô Đức T khi bị lực lượng chức năng phát hiện đã bỏ chạy, khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án bị cáo không có mặt tại địa phương, gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã đối với bị cáo mới bắt được, bị cáo là vai trò chính trong vụ án nên bị cáo phải chịu hình phạt nặng hơn đối với các bị cáo khác. Tuy nhiên bị cáo có ông nội Tô Hằng L là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bố bị cáo có giấy chứng nhận tham gia công nhân hỏa tuyến, mẹ có

Kỷ niệm chương vì chủ quyền an ninh biên giới; gia đình bố mẹ bị cáo là hộ cận nghèo, bị cáo sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, nhưng vẫn cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, răn đe thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật.

[8] Đối với bị cáo Hoàng Văn T, Bế Văn H khi được Tô Đức T rủ góp tiền mua xe biết rõ là xe không giấy tờ nhưng vẫn đồng ý góp vốn với mục đích vì thu lợi, do vậy hai bị cáo phải chịu hình phạt nặng hơn các bị cáo Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P; đối với bị cáo Lương Sơn H khi được Tô Đức T thuê đã rủ Chu Văn H và Trần Văn P cùng tham gia điều khiển xe về, quá trình điều khiển xe đã biết những chiếc xe mô tô này không có giấy tờ nhưng vẫn cố ý thực hiện; các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng bị kết án, là người dân tộc Tày, sống ở vùng sâu, vùng xa ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú (có xác nhận của chính quyền địa phương). Nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Mặt khác, cả 05 bị cáo có nơi cư trú, cụ thể rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại các bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Đối với có tên “B”, Tô Đức T không biết tên, địa chỉ người này và chỉ liên lạc qua mạng xã hội Wechat, quá trình mua xe mô tô cũng chỉ gặp người tên “B” mà Tô Đức T cũng không biết lai lịch, địa chỉ, các bị cáo khác cũng không rõ nhân thân lai lịch của “B”; đối với người đàm ông Trung Quốc tên S và những người Trung Quốc mua xe, Tô Đức T cũng không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với 04 chiếc xe mô tô bị cáo Tô Đức T đã tiêu thụ trước thời điểm ngày 02/7/2019, các bị cáo không nhớ cụ thể, đặc điểm xe mô tô, không rõ số khung, số máy, không biết nhân thân lai lịch người mua, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, điều tra làm rõ. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với các bị cáo, khi nào có đủ căn cứ thì xử lý sau. Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Các bị hại anh Hoàng văn Q, Đặng Hoàng B, Nguyễn Mậu S đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản, các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng Biên bản xác minh ngày 17/7/2019 ngày 19/7/2019 và ngày 06/8/2019 thể hiện cả 06 bị cáo làm ruộng, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[14] Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu đen, số IMEI 359151070619497 là điện thoại bị cáo sử dụng liên lạc mua xe mô tô; căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMHA màu trắng bạc, biển kiểm soát 12 Z1- 050.09, số khung 4510GY00318, số máy G3H9E003 222 mang tên Tô Đức T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003903 mang tên Tô Đức T, chiếc xe mô tô này là do gia đình bà Tô Thị S mẹ của bị cáo Tô Đức T mua về sử dụng chung trong gia đình, đây không phải tài sản riêng của bị cáo nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12 Z1- 050.0 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho Tô Đức T; đối những vật chứng khác thu giữ, trong quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, ngày 25/9/2019 Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tô Đức T

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Bế Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P

Căn khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Tô Đức T, Hoàng Văn T, Lương Sơn H, Bế Văn H, Chu Văn H, Trần Văn P phạm tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Tô Đức T 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam (16/7/2019)

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Xử phạt bị cáo Bế Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

2.4. Xử phạt bị cáo Lương Sơn H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.5. Xử phạt bị cáo Chu Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.6. Xử phạt bị cáo Trần Văn P 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn T, Bế Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Bính Xá, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu đen, số IMEI 359151070619497 của Tô Đức T

-Tuyên trả cho Tô Đức T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMHA màu trắng bạc, biển kiểm soát 12Z1- 050.09, số khung 4510GY00318, số máy G3H9E003 222; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003903 mang tên Tô Đức T.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản bàn giao nhận vật chứng ghi ngày 01 tháng 10 năm 2019)

4. Về án phí: Các bị cáo Tô Đức T, Hoàng Văn T, Bế Văn H, Lương Sơn H, Chu Văn H, Trần Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình, t.Lạng Sơn;
- Công an h L, t.Lạng Sơn;
- CQTHAHSCA h.L, t.Lạng Sơn;
- CCTHADS h L,t.Lạng Sơn;
- Các bị cáo; bị hại
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Ngọc